



CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN THÀNH CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TPHCM, ngày.....tháng.....năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2022 do Công ty lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- Căn cứ số liệu và thông tin do Công ty cung cấp;

Ban Kiểm soát báo cáo hoạt động kiểm soát như sau:

1. Tình hình hoạt động tài chính kinh doanh của Công ty

1.1. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2022

Theo số liệu báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2022

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ (%) TH/KH
Doanh thu và thu nhập khác	435	218,5	50,2%
Lợi nhuận trước thuế	222	17,9	8,1%

Theo số liệu báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ (%) TH/KH
Doanh thu và thu nhập khác	435	218,5	50,2%
Lợi nhuận trước thuế	222	85,6	38,6%

1.2. Tình hình tài chính hợp nhất năm 2022

1.2.1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tóm tắt thời điểm 31/12/2022

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2022	01/01/2022
TÀI SẢN		
A. Tài sản ngắn hạn	1.080.753.040.249	1.478.899.321.197
I. Tài sản tài chính	1.078.511.353.645	1.477.092.776.046
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	444.274.440.765	287.410.726.891
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	11.390.425.693	143.824.960.100
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	57.098.580.250	-
4. Các khoản cho vay	223.147.534.819	962.585.292.620
5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	335.518.030.000	66.310.508.000
6. Các khoản phải thu	4.444.353.211	13.994.364.064
7. Trả trước cho người bán	2.334.981.848	539.328.000
8. Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	299.719.388	427.596.371
9. Các khoản phải thu khác	4.003.287.671	4.000.000.000
10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-4.000.000.000	-2.000.000.000
II. Tài sản ngắn hạn khác	2.241.686.604	1.806.545.151
B. Tài sản dài hạn	312.651.595.328	93.826.886.770
I. Tài sản tài chính dài hạn	216.279.902.222	67.000.000.000
II. Tài sản cố định	17.516.851.872	18.939.952.017
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0	185.500.000
IV. Tài sản dài hạn khác	78.854.841.234	7.701.434.753
<i>Lợi thế thương mại</i>	<i>67.827.906.285</i>	<i>0</i>
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.393.404.635.577	1.572.726.207.967
NGUỒN VỐN		
C. Nợ phải trả	186.672.266.106	376.101.925.812
1. Nợ phải trả ngắn hạn	169.899.663.262	370.425.471.353
2. Nợ phải trả dài hạn	16.772.602.844	5.676.454.459
D. Vốn chủ sở hữu	1.206.732.369.471	1.196.624.282.155
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.009.716.470.000	1.009.716.470.000
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	-65.019.103.032	-4.153.169.071

3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	8.005.186.819	8.005.186.819
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	8.005.186.819	8.005.186.819
5. Lợi nhuận chưa phân phối	245.024.628.865	175.050.607.588
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	1.000.000.000	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.393.404.635.577	1.572.726.207.967

Tổng tài sản của Công ty cuối năm 2022 giảm so với đầu năm 2022 chủ yếu là do dư nợ các khoản cho vay giảm (giảm 77% so với đầu năm).

Nguồn vốn của Công ty cuối năm 2022 giảm so với đầu năm 2022 chủ yếu là do các khoản phải trả ngắn hạn giảm (giảm 54% so với đầu năm) và tài sản đánh giá theo giá trị hợp lý giảm thêm hơn 60 tỷ đồng so với đầu năm.

1.2.2. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2022 và so sánh với năm 2021:

(Đơn vị: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	So sánh
1	2	3	4=(2-3)/3
I. Doanh thu hoạt động	212.282.406.126	316.956.880.832	-33,02%
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	53.452.000.356	155.850.883.044	-65,70%
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	15.508.210.163	10.479.104.874	47,99%
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	67.463.381.684	58.185.997.750	15,94%
1.4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	3.252.580.000	2.979.400.000	9,17%
1.5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	36.514.763.006	51.857.562.958	-29,59%
1.6. Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	34.260.500.000	24.955.000.000	37,29%
1.7. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	76.219.827	11.570.396.286	-99,34%
1.8. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	988.973.648	526.000.232	88,02%
1.9. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	145.454.545	113.000.000	28,72%
1.10. Thu nhập hoạt động khác	620.322.897	439.535.688	41,13%
II. Chi phí hoạt động	98.737.864.018	71.665.234.996	37,78%

III. Doanh thu hoạt động tài chính	6.243.930.386	798.723.726	681,74%
IV. Chi phí tài chính	1.072.864.796	2.779.820.973	-61,41%
V. Chi phí quản lý	32.415.181.540	30.716.749.974	5,53%
VI. Thu nhập khác ròng	-535.083.761	4.596.253.874	N/A
VII. Lợi nhuận trước thuế	85.765.342.397	217.190.052.489	-60,51%
VIII. Chi phí thuế TNDN	15.761.760.420	44.118.445.938	-64,27%
IX. Lợi nhuận sau thuế TNDN	70.003.581.977	173.071.606.551	-59,55%

- Doanh thu hoạt động năm 2022 giảm khoảng 33% so với năm 2021, từ các mảng hoạt động/các khoản sau:

⊕ Mảng hoạt động/các khoản làm tăng doanh thu hoạt động năm 2022 so với năm 2021:

- Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) tăng 47,99%
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu tăng 15,94%
- Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) tăng 9,17%
- Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán tăng 37,29%
- Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán tăng 88,02%
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính tăng 28,72%
- Thu nhập hoạt động khác tăng 41,13%

⊖ Mảng hoạt động/các khoản làm giảm doanh thu hoạt động năm 2022 so với năm 2021

- Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): giảm 65,70%
- Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán: giảm 29,59%
- Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán: giảm 99,34%

- Về các yếu tố chi phí

- Chi phí hoạt động tăng 37,78% so với năm 2021, chủ yếu đến từ lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) của năm 2022 tăng so với năm 2021.
- Chi phí quản lý tăng 5,53% so với năm 2021 chủ yếu là do chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác tăng so với năm 2021, trong khi đó chi phí cho nhân viên giảm khoảng 21% so với năm 2021.
- Chi phí tài chính giảm 61,41% so với năm 2021 chủ yếu là do giảm nợ vay.

1.2.3. Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu hoạt động (%)	40,40%	68,52%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu hoạt động (%)	32,98%	54,60%

Các chỉ tiêu	31/12/2022	01/01/2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	6.36	3.99
Hệ số thanh toán nhanh	5.05	1.39
Cơ cấu tài sản (%)		
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản (%)	22,44%	5,97%
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản (%)	77,56%	94,03%
Cơ cấu nguồn vốn (%)		
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)	13,40%	23,91%
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	86,60%	76,09%
Nợ/Vốn chủ sở hữu (%)	15,47%	31,43%

1.2.4. Tình hình thực hiện chi trả cổ tức:

ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đã thông qua việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 14,5%, tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện phương án này.

2. Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

Công ty đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2022 theo danh sách mà Đại hội đồng cổ đông năm 2022 đã thông qua.

3. Tình hình niêm yết cổ phiếu lên sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu lên Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM (HOSE) và đang trong quá trình giải trình, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của HOSE.

4. Về phát hành trái phiếu trong năm 2022

Trong năm 2022, Công ty có một đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ với giá trị trái phiếu phát hành theo mệnh giá là 200 tỷ đồng, lãi suất 10%/năm, kỳ hạn 01 năm, ngày phát hành là 23/2/2022, đáo hạn vào ngày 23/02/2023. Đến thời điểm hiện nay, Công ty đã thanh toán toàn bộ gốc lãi cho trái chủ.

5. Mua và kiểm soát một công ty quản lý quỹ

Năm 2022, Công ty đã mua toàn bộ 100% cổ phần Công ty cổ phần Quản lý quỹ Hợp Lực với vốn điều lệ là 100 tỷ đồng, sau đó Hợp Lực đã thực hiện các thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty cổ phần sang Công ty TNHH MTV và đổi tên từ Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực thành Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công do Công ty chi phối toàn bộ.

6. Các vấn đề đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua nhưng chưa thực hiện

- Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021, phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, phương án phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết 1 ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
- Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng và niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán theo Nghị quyết 2 ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
- Thù lao HĐQT, BKS năm 2022 theo Nghị quyết 3 ĐHĐCĐ thường niên năm 2022

7. Kết quả giám sát hoạt động Hội đồng quản trị, Ban điều hành

7.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Trong năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên trong đó có 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã đáp ứng yêu cầu tính độc lập của Hội đồng quản trị.
- Các phiên họp của Hội đồng quản trị được triệu tập và tổ chức theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phù hợp quy định pháp luật và điều lệ Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Hội đồng quản trị đã đưa ra quyết định liên quan đến hoạt động kinh doanh, đầu tư, tài chính của Công ty kịp thời, trong phạm vi hoạt động phù hợp kế hoạch và chiến lược của Công ty. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành theo đúng trình tự, thủ tục, bám sát thực tế hoạt động kinh doanh.

7.2. Hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Trong năm 2022, Ban Tổng giám đốc (TGD) có 02 thành viên trong đó 01 Tổng giám đốc và 01 Phó Tổng giám đốc.
- Trong công tác điều hành, Ban Tổng Giám đốc công ty luôn đưa ra các quyết định điều hành hoạt động theo sát với Nghị quyết Hội đồng quản trị. Hàng tuần, tổ chức các cuộc họp giao ban với trưởng các phòng để cập nhật, giải quyết các khó khăn vướng mắc và có ghi nhận các ý kiến đầy đủ.

- Hoạt động kinh doanh và chính sách phúc lợi cho người lao động được thực hiện tốt, đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, tạo động lực và sự gắn kết giữa người lao động.

8. Giao dịch các bên có liên quan

Các giao dịch với các bên có liên quan đều có sự chấp thuận của HĐQT phù hợp với thẩm quyền và/hoặc được công bố thông tin theo quy định.

9. Sự phối hợp hoạt động giữa ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và cổ đông

- Sự phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc điều hành theo các nhiệm vụ cụ thể của mình theo quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và các quy định khác của Công ty. Cuộc họp định kỳ giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc cũng đồng thời là cuộc họp định kỳ hàng quý của Hội đồng quản trị. Nội dung cuộc họp định kỳ hàng quý bao gồm: báo cáo đánh giá tình hình, hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, kết quả đạt được, những vấn đề tồn tại cần khắc phục và các vấn đề phát sinh cần giải quyết khác (nếu có) của Công ty.
- Hội đồng quản trị và Ban điều hành luôn tạo điều kiện để Ban kiểm soát tiếp cận thông tin, số liệu hoạt động của công ty một cách đầy đủ và nhanh chóng.
- Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ khiếu nại nào từ cổ đông trong năm 2022.

10. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát

- Tổng số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 thành viên. Các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có sự tham gia, giám sát của ít nhất 01 thành viên Ban kiểm soát.
- Trong năm 2022, để thực hiện nhiệm vụ, chức năng do ĐHĐCĐ giao, Ban kiểm soát đã tiến hành họp, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên cụ thể để đảm bảo thực thi nhiệm vụ một cách hiệu quả nhất. Trong năm, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động, quản trị công ty và hoàn thành nhiệm vụ theo quy định.
- Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2023 như sau:
 - Tham gia các cuộc họp HĐQT, Ban điều hành để thực hiện chức năng giám sát của BKS.
 - Theo dõi tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
 - Đánh giá phân tích tình hình tài chính và quản trị công ty để kịp thời đưa ra kiến nghị cho Hội đồng quản trị.
- Các thành viên Ban kiểm soát đều nghiêm túc trong công việc và hoàn thành các nhiệm vụ được phân công theo quy định.

11. Kiến nghị

- Hoàn thiện bộ máy quản lý, đẩy mạnh công tác quản trị, điều hành, phát triển nguồn nhân lực phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty.
- Từng bước đổi mới, cải tiến, kiểm soát hệ thống để đáp ứng với tình hình phát triển nhanh nhưng hiệu quả và an toàn.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- Ban TGD;
- Lưu: BKS, VT./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lê Ngọc Hùng

